

Bản án số: **61/2018/HSST**
Ngày: 25-09-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng.

Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Tính.

2/ Ông Nguyễn Tất Đạt.

3/ Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên

tòa: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 25/5/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/HSST- QĐ ngày 31/7/2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Viết N**, sinh năm 1964 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký thường trú: Chu Văn An, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Họ và tên cha: Nguyễn Viết N1, sinh năm 1940 (đã chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị H, sinh năm 1942; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình, có vợ tên Nguyễn Thị K sinh năm 1968 (đã ly hôn); có hai người con sinh năm 1990 và sinh năm 1996.

Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 14/4/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù giam, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án hình sự số 32/2016/HSST ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Nhân thân: Ngày 23/02/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 07 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích theo bản án hình sự số 75/ST ngày 23/02/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tạm giam từ ngày 12/12/2017.

2. Trần Ngọc H1 (Tên gọi khác: H2), sinh ngày 31/01/1987 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: đạo Thiên chúa; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Họ và tên cha: Trần Ngọc D, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Đỗ Thị Cẩm H3, sinh năm 1969; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất trong gia đình; có vợ tên Đặng Thị H4 sinh năm 1989 (đã chết); sống như vợ chồng với Trần Ngọc B sinh năm 1996 có hai người con tên là Trần Ân A, sinh năm 2013 và Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 2017.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 08/5/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc theo bản án hình sự số 98/2012/HSST ngày 08/5/2012 của Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị tạm giam ngày 12/12/2017.

3. Nguyễn Nhật T, sinh năm 1994 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi đăng ký thường trú: ấp A, thị trấn K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Sơn Thị H5, sinh năm 1966; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Họ và tên vợ: Phạm Thị Huyền T1, sinh năm 1995; Họ và tên con: Nguyễn Phạm Phương N2, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 17/12/2017.

4. Đỗ Cao C, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Họ và tên cha: Đỗ Hùng M (không rõ năm sinh, đã chết); Họ và tên mẹ: Cao Kim C (không rõ năm sinh, đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Sống như vợ chồng với Trương Thị N3, sinh năm 1995; có hai người con tên là Trương Trung H6, sinh năm 2014 và Trương Ngọc T2, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 12/12/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án hình sự số 361/2006/HSST ngày 12/12/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị tạm giam từ ngày 17/12/2017.

5. Ninh Quang K, sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký thường trú: khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: đan mây, tre tại nhà; Trình độ học vấn: lớp 8/12; Họ và tên cha: Ninh Quang K1, sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Ninh Thị T3, sinh năm 1970; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 16/12/2017.

6. Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/11/2000 tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; Họ và tên mẹ: Phạm Thị H7, sinh năm 1970; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 17/12/2017.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho các bị cáo theo luật định:* Ông Nguyễn Văn M1 – Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ:

+ Bà Phạm Thị H7, sinh 1970 (có mặt)

HKTT: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết N, Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T có mối quan hệ quen biết với nhau và đều là người nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá) có tên khoa học là Methamphetamine (theo Nghị định 82/2013/NĐ ngày 19/7/2013 của Chính phủ thuộc mục số 67 danh mục 2 là các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, N, H1, T đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với nhau. Cụ thể:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa Nguyễn Viết N và Trần Ngọc H1:

Ngày 11/12/2017, Nguyễn Viết N mua khoảng 900 gam ma túy tổng hợp của một người (không rõ họ tên địa chỉ) tại cầu vượt An Sương, thành phố Hồ Chí Minh để bán lại kiếm lời. Đến khoảng 18 giờ ngày 11/12/2017, Trần Ngọc H1 gọi điện thoại cho N hỏi mua 300 (Ba trăm) gam ma túy đá thì N đồng ý bán và hẹn H1 đến chỗ ở của N lấy. Sau khi gọi điện thoại cho N xong, H1 đón xe taxi đi từ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến gặp N tại khu phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khi H1 đến, N dẫn H1 vào phòng ngủ trong nhà, tại đây H1 trả cho N 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu đồng) để mua 03 (ba) bịch ma túy đá có trọng lượng 300 (Ba trăm) gam. H1 bỏ 03 bịch ma túy vào túi áo khoác rồi ra taxi về lại Biên Hòa. Ngoài ra, ngày 11/12/2017, Trần Ngọc H1 còn mua 190 (Một trăm chín mươi) viên thuốc lắc của người tên P (không rõ họ, tên, địa chỉ) với giá 23.500.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) để bán lại kiếm lời.

Hồi 6 giờ ngày 12/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt quả tang Trần Ngọc H1 đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại khu phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng dạng cục; 01 nỏ thủy tinh; 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động có số sim: 0927070080, 0932858673. Tiếp tục khám xét khẩn cấp nơi ở của H1 tại tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thu giữ: 90 (Chín mươi) viên nén hình tròn có răng cưa; 100 (Một trăm) viên nén hình tròn màu xanh đậm có logo LV; 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Đến 18 giờ 15 phút ngày 12/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục bắt khẩn cấp Nguyễn Viết N tại khu phố E, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vật chứng thu giữ: 06 (Sáu) gói nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 (Một) điện thoại di động Nokia có số sim 0868905835, có số Imel: 353665/05/020504/9; 01 (Một) điện thoại Iphone có số thuê bao 0964609337, có số Imel: 354441067954344; 01 (Một) nỏ thủy tinh sử dụng ma túy; 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Viết N.

Tại Kết luận giám định số 48/PC54-GĐMT ngày 18/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1, gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang H1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 7,2949 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2, gói ma túy thu giữ khi khám xét phòng trọ của H1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 88,5922 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu viên nén hình tròn răng cưa màu vàng (Kí hiệu M31, viên nén thu giữ khi khám xét phòng trọ của H1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 31, 2548 gam, loại MDMA.

- Mẫu viên nén hình tròn màu xanh có Logo “LV” lồng vào nhau (Kí hiệu M32, viên nén thu giữ khi khám xét phòng trọ của H1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 38,0101 gam, loại Methamphetamine và Racemethorphan.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M4, gói ma túy thu giữ khi bắt khẩn cấp Nguyễn Viết N) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 593,0700 gam, loại Methamphetamine.

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữ Trần Ngọc H1 và Nguyễn Nhật T.

Đề có ma túy bán lại cho người nghiện và sử dụng, ngày 11/12/2017, Nguyễn Nhật T gọi điện thoại cho Trần Ngọc H1 hỏi mua 100 (Hai trăm) gam ma túy đá thì

H1 đồng ý bán với giá 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng). Khoảng 03 giờ sáng ngày 12/12/2017, H1 đi xe taxi mang 200 (Hai trăm) gam ma túy mua của N trước đó đến nhà của T thuê tại tổ G, khu phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tại phòng khách T, H1 nói T mua luôn 200 gam thì T đồng ý mua thiếu của H1 200 (Hai trăm) gam ma túy đã trên. Quá trình điều tra còn xác định, ngoài mua ma túy của H1 ra thì T còn nhận 190 (Một trăm chín mươi) viên thuốc lắc của người tên H8 (không rõ họ, địa chỉ) để bán giùm cho H8.

3. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa Nguyễn Nhật T, Đỗ Cao C và Nguyễn Tấn Đ với Ninh Quang K.

Đỗ Cao C, Nguyễn Tấn Đ được Nguyễn Nhật T cho ở tại nhà không số tổ G, khu phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mỗi tuần được T cho từ 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) đến 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). C có nhiệm vụ đi thu tiền của những người mua ma túy của T, khi T không có ở nhà thì C là người bán ma túy cho người nghiện và Đ là người giúp T dọn dẹp nhà cửa.

Sau khi mua được 200 (Hai trăm) gam ma túy đá của Trần Ngọc H1 vào ngày 12/12/2017 thì H1 đưa cho Đỗ Cao C cất giấu. Đến sáng ngày 17/12/2017, T nói C đưa 100 (một trăm) gam ma túy đá để T mang bán cho người tên M2 (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) với giá 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng) còn 100 (một trăm) gam C tiếp tục cất giữ. Vào lúc 06 giờ ngày 14/12/2017, Ninh Quang K gọi điện cho Nguyễn Nhật T hỏi mua 01(một) gói ma túy đá với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sử dụng thì T đồng ý bán và hẹn K đến trước cổng nhà không số tại tổ G, khu phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để lấy ma túy. Sau đó, T gọi điện cho Đỗ Cao C nói lấy gói ma túy để dưới gầm bàn ở phòng khách đưa cho K lấy 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì C đồng ý. Do C không có ở nhà nên C đã gọi điện thoại cho Nguyễn Tấn Đ nhờ Đ lấy gói ma túy trên đưa cho K lấy 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) thì Đ đồng ý. Đ cầm gói ma túy mang ra trước cổng nhà đưa cho K lấy 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) và đến tối khi C về Đ đưa tiền cho C để C đưa lại cho T.

Đến 21 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, Công an phường L, thành phố B bắt quả tang Ninh Quang K đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ là 32 (Ba mươi hai) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng và 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra còn xác định, ngày 08/12/2017, T bán 2 gam ma túy đá cho K, với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và ngày 12/12/2017, T tiếp tục bán cho K 2 gam ma túy đá với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 59/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

Mẫu tinh thể màu trắng (Thu của Ninh Quang K) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 4, 2186 gam, loại Methamphetamine.

Căn cứ lời khai của Ninh Quang K, lúc 13 giờ ngày 17/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt quả tang Nguyễn Nhật T đang có hành vi tàng trữ trái phép 190 (Một trăm chín mươi) viên nén hình tròn màu xanh có logo hình trái táo; 01 (Một) gói nylon chứa thảo mộc dạng nhuyễn; 01 (Một) gói nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 (Một) khẩu súng ngắn K54 cùng hai viên đạn; 01 (Một) điện thoại di động có số thuê bao 0962075200 có số Imel: 354863047688729; 01 (Một) nỏ thủy tinh; 43.000.000 đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 57/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu viên nén hình tròn màu xanh lá cây có logo hình trái táo (kí hiệu M1- thu của Nguyễn Nhật T) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 75,7408gam, loại Kentamine, Racemethorphan.

- Mẫu cành lá thảo mộc khô (Kí hiệu M2- thu của Nguyễn Nhật T) được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng: 97, 9900gam, loại AB-FUDINACA.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M3- thu của Nguyễn Nhật T) được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng: 986,2700gam, loại Dimethyl sulfone.

AB-FUDINACA, Dimethyl sulfone không nằm trong Danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mẫu lá cây gửi giám định có trọng lượng: 0, 9463 gam có AB-FUBINACA. AB-FUBINACA không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 82 ngày 19/ 07/ 2013 của Chính phủ và Nghị định số 126 ngày 09/ 12/ 2015 của Chính phủ.

Lúc 13 giờ 50 phút ngày 17/ 12/ 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục bắt quả tang Đỗ Cao C đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ là 01 (Một) gói nylon chứa tinh thể màu trắng trong túi quần của C; 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng trong phòng ngủ của C; 01 (Một) cân viên tử; 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0961011053 có số Imel: 356353058556161 không có nắp sau; thu của Nguyễn Tấn Đ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia có số sim 01645660864.

Tại Kết luận giám định số 56/PC54-GĐMT ngày 20/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1, gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang Đỗ Cao C) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 1,9196gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2, gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang Đỗ Cao C) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng: 103,6418gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M3, gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang Đỗ Cao C) được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng: 27,3798 gam, loại Dimethyl sulfone. Dimethyl sulfone không nằm trong Danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Quá trình điều tra, khi bị bắt quả tang Nguyễn Viết N thừa nhận ngoài lần bán 300 (Ba trăm) gam ma túy cho Trần Ngọc H1 vào ngày 11/12/2017 thì ngày 04/12/2017, N còn bán cho H1 50 (Năm mươi) gam ma túy đá giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nhưng sau đó H1 phản cung chỉ thừa nhận bán cho H1 một lần 50 (năm mươi) gam ma túy đá vào ngày 04/12/2017, không thừa nhận bán 300 (ba trăm) gam ma túy đá cho Trần Ngọc H1 vào ngày 11/12/2017. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định N đã bán trái phép chất ma túy cho H1 hai lần như đã nêu trên.

Đối với Trần Ngọc H, ngoài hành vi bán trái phép 200 (Hai trăm) gam chất ma túy cho Nguyễn Nhật T vào ngày 12/12/2017 ra thì ngày 04/12/2017, H1 còn bán cho T 50 (Năm mươi) gam với giá 20.500.000đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng); bán 0.5 gam với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) cho đối tượng Đỗ Văn H9; trong tháng 11/2017, bán cho đối tượng tên C1 (không rõ họ địa chỉ) 02 lần, một lần 0,5 gam giá 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng), một lần 1gam giá 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng); trong tháng 11/2017, bán cho đối tượng tên B1 (chưa rõ họ tên địa chỉ) ba lần, hai lần 0.5 gam và một lần 1 gam; vào ngày 12/12/2017, bán cho đối tượng tên L1 (chưa rõ họ địa chỉ) là bạn của Nguyễn Nhật T 06 viên thuốc lắc với giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Nhật T ngoài việc mua ma túy của Trần Ngọc H1 để sử dụng và bán lại thì T còn mua ma túy của đối tượng tên T4 (chưa xác định được tên tuổi địa chỉ) hai lần mỗi lần 5 gam ma túy đá với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng); vào ngày 05/12/2017 , T bán 5 gam ma túy đá với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đối tượng tên H10 (B2) chưa xác định được họ, tên địa chỉ; vào ngày 12/12/2017, T bán 5 gam ma túy đá với giá 2.800.000 đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) cho đối tượng tên C2 (chưa xác định được họ địa chỉ); T bán 5 gam ma túy đá giá 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) cho đối tượng tên D1 (chưa xác định được họ địa chỉ).

Ngoài ra Nguyễn Nhật T còn có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và hành vi này đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các đối tượng tên H8, P thì hiện chưa xác định được địa chỉ và đối tượng (không rõ họ, tên, địa chỉ) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Nhật T, Trần Ngọc H1 và Nguyễn Viết N thì Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 441/CT-VKS-P1 ngày 15/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Viết N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T và Đỗ Cao C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Tấn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Ninh Quang K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo:

- Nguyễn Viết N: 20 (hai mươi) năm tù.
- Trần Ngọc H1: Từ 17 (mười bảy) năm đến 18 (mười tám) năm tù.
- Nguyễn Nhật T: Từ 16 (mười sáu) năm đến 17 (mười bảy) năm tù.
- Đỗ Cao C: Từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.
- Nguyễn Tấn Đ: Từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.
- Ninh Quang K: Từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Văn M1 bào chữa cho các bị cáo: Thông Nhất cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt. Tuy nhiên mức án của Viện kiểm sát nhân dân Đồng Nai iỉnh đề nghị còn quá nghiêm khắc; các bị cáo thật thà khai báo nhận tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, số lượng ma túy phạm tội là đúng định khung hình phạt nhưng chưa bán được ra bên ngoài, hầu hết đã bị thu giữ... Riêng đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên (17 tuổi 25 ngày), bị rủ rê, xúi dục, lượng ma túy bị cáo mua bán ít. Do đó đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, r Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối vớ các bị cáo N, H1, T, C. Đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ thì áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định Điều 69, 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015) để giảm nhẹ hình phạt thấp hơn mức án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đề nghị.

Ý kiến tranh luận của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Các tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã đề nghị hội đồng xét xử xem xét. Riêng ý kiến luật sư cho rằng các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn đối với các bị cáo N, H1, T là không có cơ sở; riêng đối với bị cáo Đ đề nghị hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa hôm nay, qua lời thẩm vấn công khai và đối chiếu với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Viết N, Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T, Đỗ Cao C, Nguyễn Tấn Đ và Ninh Quang K có hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã kết luận. Từ ngày 04/12/2017 đến ngày 12/12/2017, Nguyễn Viết N đã có hành vi mua bán 796,8175 gam ma túy Methamphetamine, Trần Ngọc H1 mua bán trái phép 274,932 gam ma túy MDMA và Methamphetamine, Nguyễn Nhật T mua bán trái phép ma túy MDMA và Methamphetamine với tổng trọng lượng 185,5207 gam; Đỗ Cao C mua bán trái phép ma túy Methamphetamine với trọng lượng 109,78 gam; Nguyễn Tấn Đ mua bán trái phép ma túy Methamphetamine với tổng trọng lượng 4,2186 gam; Ninh Quang K có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine trọng lượng 4,2186 gam.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Viết N phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T và Đỗ Cao C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; Ninh Quang K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt:

Xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, bản thân các bị cáo hiểu rõ tác hại của các chất ma túy nhưng vì háms lợi, lười lao động nên đã lao vào con đường phạm tội, là nguyên nhân gây nên các tệ nạn xã hội.

Trong vụ án này, Nguyễn Viết N là bị cáo giữ vai trò thứ nhất, mua bán ma túy với số lượng lớn 796,8175 gam, phạm tội nhiều lần, nhân thân có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo N phạm vào hai tình tiết tăng nặng là “phạm tội hai lần trở lên” và “tái phạm” quy định tại điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần có mức án thật nghiêm khắc, cao nhất, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài để răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc H1 là người giữ vai trò thứ hai, mua bán 205,6671 gam ma túy đá, thực hiện mua bán nhiều lần, nhân thân có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo H1 phạm vào hai tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” và “tái phạm” quy định tại điểm g, h

Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, bị cáo cần có mức án tương xứng cao hơn các bị cáo khác nhưng thấp hơn bị cáo N.

Bị cáo Nguyễn Nhật T, thực hiện mua bán ma túy nhiều lần, với tổng trọng lượng bị cáo mua bán là 185,5207 gam, phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Cần có mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Đỗ Cao C trong vụ án này là đồng phạm cùng Nguyễn Nhật T cất giấu 109,78 gam ma túy đá do T mua của H1, giúp sức cho T bán ma túy và thu tiền bán ma túy đã bán cho các con nghiện. Ngoài ra Đỗ Cao C còn có hành vi xúi dục, lôi kéo người chưa thành niên phạm tội (kêu Đ lấy ma túy bán cho Ninh Quang K) nên phải chịu mức án tương xứng nhưng thấp hơn Nguyễn Nhật T cũng thỏa đáng.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ có hành vi mua bán trái phép chất ma túy Methamphetamine với tổng trọng lượng 4,2186gam. Đ nhận yêu cầu của C lấy ma túy bán cho Ninh Quang K. Tuy nhiên bị cáo phạm tội ở tuổi chưa thành niên, là người bị rủ rê, lôi kéo phạm tội nên cần xem xét giảm nhẹ và tuyên phạt mức án thấp hơn các bị cáo khác là thỏa đáng với pháp luật.

Đối với Ninh Quang K có hành vi mua ma túy với trọng lượng là 4,2186 gam Methamphetamine khi mang về phân ra thành 32 tép nhỏ để sử dụng và bị khám xét bắt quả tang. Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi mua bán ma túy nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ truy tố về hành vi tàng trữ là phù hợp. Lẽ ra bị cáo phải bị truy tố theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng do Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhẹ hơn do đó áp dụng theo hướng dẫn có lợi cho bị cáo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý bị cáo theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên mức hình phạt tương xứng là có căn cứ pháp luật.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với các bị cáo. Bị cáo Đ, K nhân thân chưa tiền án, tiền sự, bị cáo Đ phạm tội ở tuổi chưa thành niên để giảm nhẹ một phần hình phạt.

[3] Qua tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp nên được ghi nhận.

[4] Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng khi khám xét và giám định trọng lượng ma túy mà các bị cáo phạm tội bao gồm:

- 01 (Một) gói niêm phong số 48/KLGĐMT ngày 18/12/2017, tên đối tượng Trần Ngọc H1 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

- 01 (một) gói niêm phong số 57/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Nguyễn Nhật T của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;
- 01 (Một) gói niêm phong số 56/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Đỗ Cao C của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;
- 01 (Một) gói niêm phong số 59/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Ninh Quang K của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Đây là tang vật sau giám định còn lại cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với 03 (Ba) nỏ thủy tinh; 01 (Một) cân điện tử là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy.

Đối với các điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo bao gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động Nokia có số sim 0868905835, có số Imel: 353665/05/020504/9; (Thu giữ của Nguyễn Viết N).
- 01 (Một) điện thoại di động Iphone có số thuê bao 0964609337, có số Imel: 354441067954394; (Thu giữ của Nguyễn Viết N).
- 01 (một) điện thoại di động Nokia có số sim: 0927070080 và 0932858673, có số Imei: 351550052275450/3; (Thu giữ của Trần Ngọc H1).
- 01 (một) điện thoại hiệu nokia, kèm sim có số thuê bao: 01645660864, có số Imei 356049087472806; (Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ).
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim có số thuê bao 0962075200; có số imel có 354863047688729 trong máy và số imei 356353058556161 trên thân máy; (Thu giữ của Nguyễn Nhật T).
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim có số thuê bao 0961011053, có số imei; 357331089650061 không có nắp sau; (Thu giữ của Đỗ Cao C).

Xét thấy các vật chứng trên là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện việc mua bán ma túy. Do vậy cần tịch thu phát mãi sung công quỹ Nhà nước theo quy định là đúng pháp luật.

Đối với số tiền thu giữ của Nguyễn Nhật T 43.000.000 đ (bốn mươi ba triệu), thu giữ của Ninh Quang K 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) và của Trần Ngọc H1 40.200.000 đ (bốn mươi triệu, hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng: 83.400.000đ (Tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) (theo Ủy nhiệm chi lập ngày 28/06/2018 tại Kho bạc Nhà nước, tỉnh Đồng Nai). Xét thấy đây là các khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Viết N cho bị cáo Nguyễn Viết N là giấy tờ tùy thân cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Viết N để tiếp tục sử dụng

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết N, Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T, Đỗ Cao C, Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Ninh Quang K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g, h Khoản 1 Điều 52, điểm s, r Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Viết N 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

- Áp dụng điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g, khoản 1 Điều 52 (áp dụng thêm điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Ngọc H1); điểm s, r Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo: Trần Ngọc H1 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Cao C 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2017.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Ninh Quang K 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (Một) gói niêm phong số 48/KLGĐMT ngày 18/12/2017, tên đối tượng Trần Ngọc H1 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

- 01 (một) gói niêm phong số 57/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Nguyễn Nhật T của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

- 01 (Một) gói niêm phong số 56/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Đỗ Cao C của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

- 01 (Một) gói niêm phong số 59/PC54-GĐMT ngày 25/12/2017, tên đối tượng Ninh Quang K của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

- 03 (Ba) nỏ thủy tinh; 01(Một) cân điện tử.

* Tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền 83.400.000 đ (tám mươi ba triệu, bốn trăm ngàn đồng).

*Tịch thu phát mãi sung công 06 điện thoại di động bao gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động Nokia có số sim 0868905835, có số Imel: 353665/05/020504/9; (Thu giữ của Nguyễn Viết N).

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone có số thuê bao 0964609337, có số Imel: 354441067954394; (Thu giữ của Nguyễn Viết N).

- 01 (một) điện thoại di động Nokia có số sim: 0927070080 và 0932858673, có số Imei: 351550052275450/3; (Thu giữ của Trần Ngọc H1).

- 01 (một) điện thoại hiệu nokia, kèm sim có số thuê bao: 01645660864, có số Imei 356049087472806; (Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ).

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim có số thuê bao 0962075200; có số imei: có 354863047688729 trong máy và số imei 356353058556161 trên thân máy; (Thu giữ của Nguyễn Nhật T).

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim có số thuê bao 0961011053, có số imei: 357331089650061 không có nắp sau; (Thu giữ của Đỗ Cao C).

* Trả lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Viết N cho bị cáo Nguyễn Viết N.

(Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số NK:180051 ngày 24/05/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 83.400.000đ (Tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) (theo Ủy nhiệm chi lập ngày 28/06/2018 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Viết N, Trần Ngọc H1, Nguyễn Nhật T, Đỗ Cao C, Nguyễn Tấn Đ, Ninh Quang K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai (6);
- Bị cáo (6);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai (PC 45) (1);
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ, lưu vp (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lượng